

Số: **1158** /BC-BNN-VP

Hà Nội, ngày **07** tháng 4 năm 2014

**BÁO CÁO**  
**Công tác tháng 3 năm 2014**  
**và nhiệm vụ công tác tháng 4 năm 2014<sup>1</sup>**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÁNG 3**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ**

Trong 3 tháng đầu năm 2014, các đơn vị trong Bộ cơ bản đã hoàn thành tốt công việc được giao, các lĩnh vực sản xuất của ngành và kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đều có tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được đẩy mạnh.... Tuy nhiên, sản xuất vẫn tăng chậm so với kế hoạch đề ra, tiêu thụ các mặt hàng nông sản nhất là lúa gạo còn gặp nhiều khó khăn, thực hiện tái cơ cấu ngành còn chậm triển khai.

Trước tình hình nêu trên, Bộ đã tập trung triển khai các nhiệm vụ như sau:

- Tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm dịch cúm gia cầm; chỉ đạo các địa phương triển khai công văn số 519/BNN-TY ngày 18/02/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng, phòng chống dịch cúm gia cầm trong toàn quốc.
- Chỉ đạo các đơn vị xây dựng phương án, kế hoạch thu mua tạm trữ lúa gạo vụ Đông Xuân 2014. Đặc biệt là Tổng Công ty Lương thực miền Bắc và Tổng Công ty lương thực miền Nam để triển khai tốt chủ trương tạm trữ.
- Bộ chỉ đạo tổ chức Hội nghị “Sơ kết sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa vụ Đông xuân 2013-2014” và ”triển khai kế hoạch Hè thu – Thu đông - Mùa 2014 tại Nam bộ”.
- Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra công tác quản lý, đảm bảo an toàn hồ chứa nước trước mùa mưa lũ.
- Tăng cường chỉ đạo và thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô tại các địa phương vùng Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Tây Nguyên.

<sup>1</sup> Nội dung đăng trên [WWW.omard.gov.vn](http://WWW.omard.gov.vn)

- Tổ chức Hội nghị sơ kết 03 năm triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới khu vực Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại tỉnh Lâm Đồng.

- Bộ trưởng đã ký các văn bản hợp tác với một số nước nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT THÁNG 3 VÀ TRONG QUÝ I

Ba tháng đầu năm, thời tiết rét đậm, rét hại kéo dài, dịch cúm gia cầm bùng phát tại nhiều địa phương, thị trường xuất khẩu nông sản vẫn gặp nhiều khó khăn, sức mua trong nước cải thiện chưa nhiều đã tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành. Bộ đã tập trung chỉ đạo phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi ở các tỉnh phía Bắc và đặc biệt quyết liệt phòng, chống dịch cúm gia cầm, hạn chế thiệt hại và lây lan. Đồng thời, chỉ đạo các địa phương thu hoạch lúa Đông Xuân, xuống giống lúa Hè Thu sớm ở miền Nam, chăm sóc lúa Đông Xuân ở miền Bắc.

Đồng thời, toàn ngành vẫn nghiêm túc triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày, số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN, các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu; đồng thời tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch và các Chương trình hành động của Bộ, ngành để bảo đảm duy trì sự phát triển.

Một số kết quả chính đạt được là:

	Đơn vị	Thực hiện 15/03/2013	Thực hiện 15/03/2014	% so với C.kỳ 2013
<b>1. Gieo cấy lúa đông xuân cả nước</b>	1000 ha	<b>3103,4</b>	<b>3055,2</b>	<b>98,4</b>
Chia ra: - Miền Bắc	"	1119,9	1104,2	98,6
- Miền Nam	"	1983,4	1 950,9	98,4
Trong đó: ĐB sông Cửu Long	"	1600,9	1562,5	97,6
<b>2. Thu hoạch lúa đông xuân ở miền Nam</b>	"	<b>1 382,7</b>	<b>799,4</b>	<b>57,8</b>
Trong đó: - ĐB sông Cửu Long	"	1 318,3	760,6	57,7
<b>3. Gieo trồng màu lương thực</b>	"	<b>549,0</b>	<b>554,0</b>	<b>100,9</b>
Trong đó: - Ngô	"	354,9	352,7	99,4
- Khoai lang	"	78,4	78,5	100,0

<b>4. Trồng rừng tập trung</b>		<b>8,0</b>	<b>11,3</b>	<b>141,3</b>
Trong đó:- Rừng phòng hộ đặc dụng	Ha	0,4	0,4	100,0
- Rừng sản xuất	Ha	7,6	10,9	143,4
<b>5. Tổng sản lượng thủy sản</b>	1000 tấn	<b>1.151</b>	<b>1.185</b>	<b>102,9</b>
Trong đó: - Sản lượng khai thác	"	651,1	686	105,4
- Sản lượng nuôi trồng	"	500	499	99,8
<b>6. Kim ngạch xuất khẩu</b>	Tr.USD	<b>6.307,4</b>	<b>6.903,2</b>	<b>109,4</b>
Trong đó: - Nông sản chính	"	3.417	3.357	98,2
- Thủy sản	"	1.199	1.618	135
- Lâm sản chính	"	1.229	1.470	119,6

## 1. Sản xuất nông nghiệp

### 1.1. Trồng trọt:

Quý I, sản xuất trồng trọt chủ yếu tập trung vào việc thu hoạch hoa màu còn lại của vụ Đông, lúa đông xuân ở đồng bằng sông Cửu Long và gieo trồng, chăm sóc cây trồng vụ Đông xuân ở miền Trung và Bắc Bộ.

*Miền Bắc:* Tính đến ngày 15/3, các địa phương miền Bắc đã cơ bản hoàn thành gieo cấy gieo lúa đông xuân, đạt 1.104,2 ngàn ha, bằng 98,6% so với cùng kỳ năm trước. Do yếu thời tiết không thuận lợi nên các vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ đều đạt thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Hiện nay, thời tiết trên địa bàn miền Bắc đã chuyển biến tốt, nắng ấm, mưa rào xuất hiện rải rác đã giúp lúa đông xuân sớm qua giai đoạn hồi xanh và bước sang thời kỳ đẻ nhánh. Phần lớn diện tích lúa được gieo cấy đúng lịch thời vụ, cơ cấu trà và các giống lúa sử dụng tiếp tục theo hướng tích cực và các cánh đồng mẫu lớn tiếp tục được mở rộng giúp cơ giới hóa trồng lúa đồng bộ hơn đã mở ra triển vọng bước đầu cho vụ lúa đông xuân năm nay ở các tỉnh miền Bắc.

*Miền Nam:* Tính đến ngày 15/3, các địa phương ở miền Nam đã thu hoạch đạt gần 800 ngàn ha lúa đông xuân, chủ yếu tập trung tại các tỉnh vùng ĐBSCL. Năm nay tốc độ thu hoạch lúa đông xuân chậm hơn khá nhiều, chỉ xấp xỉ bằng 60% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do lũ ở vùng ĐBSCL năm nay rút chậm, nên các địa phương xuống giống trễ hơn so với năm trước. Tuy nhiên, hiện nay diện tích lúa đã chín nhiều do việc xuống giống tập trung để tránh rầy lây lan, nên tốc độ thu hoạch sẽ được đẩy nhanh trong một vài tuần tới.

Theo báo cáo bước đầu của các địa phương vùng ĐBSCL, năng suất bình quân lúa đông xuân trên diện tích đã thu hoạch toàn vùng ước đạt trên 70 tạ/ha, cao hơn so

với vụ trước khoảng 2 tạ/ha (Long An, Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tiền Giang, An Giang).

Đồng thời với việc khẩn trương thu hoạch lúa đông xuân, các địa phương thuộc vùng ĐBSCL cũng đã bắt đầu triển khai xuống giống lúa hè thu. Tính đến ngày 15/3, diện tích xuống giống trên toàn vùng đạt hơn 212 ngàn ha, gần bằng 60% so với cùng kỳ năm trước. Các địa phương có diện tích xuống giống lúa hè thu nhiều, gồm: Đồng Tháp 60,7 ngàn ha, Sóc Trăng 50 ngàn ha, Tiền Giang 38,5 ngàn ha, Cần Thơ 22 ngàn ha,...

\* *Cây màu vụ đông xuân*: quý I, cả nước gieo trồng đạt khoảng **554 ngàn ha**, tăng gần 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích ngô đạt 353 ngàn ha, xấp xỉ cùng kỳ; khoai lang đạt 78,5 ngàn ha, bằng cùng kỳ; sắn đạt 110,2 ngàn ha, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước.

\* *Cây công nghiệp ngắn ngày*: đạt **323,6 ngàn ha**, bằng 92,8% cùng kỳ năm trước; trong đó: đậu tương đạt 62,6 ngàn ha, bằng 97,5%, lạc đạt 145,2 ngàn ha, bằng 95,8%. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt khoảng **470,4 ngàn ha**, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

#### \* **Tình hình sâu bệnh**

Trong quý I, một số loại sâu bệnh gây hại giảm so với cùng kỳ năm ngoái như: **Sâu cuốn lá nhỏ** gây hại 30,336 ngàn ha<sup>2</sup>; **bệnh đạo ôn lá** gây hại 58,8 ngàn ha và **đạo cổ bông** là 13,9 ngàn ha<sup>3</sup>; **bệnh khô vằn**<sup>4</sup> gây hại 4.897 ha; **Chuột** gây hại gần 10 ngàn ha.

Ngược lại, một số loại gây hại tăng: **rầy các loại**<sup>5</sup> gây hại gần 97 ngàn ha; **sâu đục thân** gây hại 3.835 ha; **bọ trĩ** gây hại trên 6 ngàn ha; **bệnh bạc lá**, **đốm sọc nhiễm** hơn 15 ngàn ha; **bệnh đen lép hạt** gây nhiễm gần 16,5 ngàn ha; **bệnh đốm nâu- nghệt rễ** gây nhiễm gần 10 ngàn ha.

#### **1.2. Chăn nuôi**

Trong quý I, rét đậm, rét hại xảy ra trên diện rộng cũng đã ảnh hưởng lớn đến phát triển đàn vật nuôi, gây thiệt hại cho ngành chăn nuôi. Đồng thời, từ tháng 2, nguy cơ lây lan virus cúm H7N9 và H10N8 từ Trung Quốc vào Việt Nam và dịch cúm gia cầm bùng phát ở nhiều địa phương, có diễn biến phức tạp. Bộ tập trung chỉ đạo và phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT các địa phương

<sup>2</sup> Long An, An Giang, Bạc Liêu, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai và Phú Yên.

<sup>3</sup> An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Long An, Hậu Giang... và Miền Trung, gồm: Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa.

<sup>4</sup> Bạc Liêu, Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Sóc Trăng...

<sup>5</sup> Long An, Bạc Liêu, An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang và Kiên Giang, Quảng Nam, Bình Định và Khánh Hòa.

phía Bắc đẩy mạnh triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống đói rét cho đàn vật nuôi; tập trung chỉ đạo quyết liệt việc khoanh vùng, dập dịch và phát động ‘Tháng tiêu độc, khử trùng’.

Theo báo cáo của các địa phương, rét đậm, rét hại đã làm chết hơn 2000 con trâu, bò của một số tỉnh miền núi phía Bắc, tổng số gia cầm mắc bệnh, chết là 63.611 con (một số tỉnh gia cầm bị nhiễm bệnh chết như: Vĩnh Long 30,4 nghìn con, Trà Vinh 28,2 nghìn con, Cần Thơ 20,4 nghìn con, Tây Ninh trên 18 nghìn con, Quảng Nam 16,6 nghìn con, Lào Cai 11,8 nghìn con, Vĩnh Phúc 5,8 nghìn con... toàn bộ số gia cầm trong đàn mắc bệnh đã được địa phương tiêu huỷ);

Theo ước tính của Tổng cục Thống kê, hiện tại đàn trâu, bò của cả nước giảm khoảng hơn 1,5- 2%; bò giảm khoảng hơn 1- 1,5%; đàn lợn tăng nhẹ và đàn gia cầm tăng khoảng 1% nhẹ so với cùng kỳ năm 2013.

\* Về thị trường nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi thành phẩm: trong quý, giá hầu hết các nguyên liệu tương đối ổn định: ngô 6.615 đ/kg, sắn lát 5.355 đ/kg, Lysine 42.000 đ/kg, Methionine 78.750 đ/kg; giá một số nguyên liệu tăng nhẹ: bột cá 26.775 đ/kg (tăng 2,0%), khô dầu đậu tương 14.910 đ/kg (tăng 1,4%); riêng cám gạo giảm 9,0% (6.590 đ/kg). Giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm không đổi: thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà Broiler 11.602,5 đ/kg; thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh lợn thịt giai đoạn từ 60kg đến xuất chuồng 10.489,5 đ/kg.

\* **Tình hình dịch bệnh:** tính đến ngày 21/3/2014

- **Cúm gia cầm (H5N1):** cả nước còn 13 tỉnh là Cà Mau, Khánh Hòa, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hải Dương, Sóc Trăng, Gia Lai, Hưng Yên, Đồng Nai, Hà Giang, Quảng Nam, Bến Tre và Bình Thuận có dịch cúm gia cầm chưa qua 21 ngày.

- **Lở mồm long móng (LMLM):** cả nước có tỉnh Quảng Trị và Sơn La có ổ dịch LMLM chưa qua 21 ngày.

- **Dịch Tai xanh:** toàn quốc không địa phương nào có dịch.

## 2. Lâm nghiệp

Hoạt động lâm nghiệp những tháng đầu năm tập trung chủ yếu vào chăm sóc, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, triển khai trồng rừng vụ Xuân và trồng cây phân tán trong dịp Tết Giáp Ngọ, đồng thời tăng cường công tác phòng chống cháy rừng trong mùa khô.

**2.1. Công tác lâm sinh:** Trong quý I, một số địa phương phía Bắc đã tiến hành trồng rừng tập trung, gieo ươm, chăm sóc cây giống. Kết quả 3 tháng đầu năm đã trồng mới rừng tập trung ước đạt 11,3 nghìn ha, tăng 41,3% so với cùng

kỳ năm trước; trồng cây lâm nghiệp phân tán đạt 64,2 nghìn cây, tăng 1%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.190 nghìn m<sup>3</sup>, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước.

## 2.2. Công tác kiểm lâm:

Theo báo cáo của các địa phương, thời tiết hanh khô nên nguy cơ cháy rừng tương đối cao. Diện tích rừng bị cháy trong quý là 508 ha<sup>6</sup>, tăng 25,8% so với cùng kỳ. Cả nước có 21 tỉnh có nguy cơ cháy rừng ở cấp cực kỳ nguy hiểm, trọng điểm là các tỉnh vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Chi cục Kiểm lâm các tỉnh đã tăng cường cán bộ để cùng chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống cháy.

Trong tháng 3 trên toàn quốc xảy ra 1.148 vụ vi phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, bằng 44% về số vụ vi phạm so với cùng kỳ năm trước. Tổng số vụ vi phạm đã được xử lý là 899 vụ, trong đó xử phạt hành chính 888 vụ; xử lý hình sự 11 vụ. Tịch thu 1.024 m<sup>3</sup> gỗ các loại, bao gồm 517 m<sup>3</sup> gỗ tròn và 507 m<sup>3</sup> gỗ xẻ. Thu nộp ngân sách gần 13 tỷ đồng.

Diện tích rừng bị phá trong quý I là 92 ha tăng 64,7% so với cùng kỳ năm trước.

## 3. Thủy sản

Tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản Quý I năm 2014 ước đạt 1.185,2 nghìn tấn tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, sản lượng cá ước đạt 870,8 nghìn tấn (tăng 1,6%), sản lượng tôm ước đạt 118,2 nghìn tấn (tăng 8,6%).

### 3.1. Hoạt động khai thác

Thời tiết đầu năm trên các vùng biển tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác. Sản lượng khai thác thủy sản trong Quý ước đạt **687,3 ngàn tấn**, tăng 5,6 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: khai thác biển đạt 648,9 ngàn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ.

### 3.2. Nuôi trồng thủy sản

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 3 ước đạt **176 ngàn tấn**, tăng 0,3% so với cùng kì năm trước, đưa tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 3 tháng đầu năm đạt **499 ngàn tấn**, giảm 0,2% so với cùng kỳ.

Tình hình sản xuất một số loài cụ thể như sau:

+ **Cá tra:** diện tích nuôi cá tra của các tỉnh ĐBSCL 3 tháng đầu năm ước đạt 5.400 ha với sản lượng 382 nghìn tấn (*tương đương cùng kỳ năm trước*)

Nuôi cá tra liên tục gặp khó khăn do giá cá tra nguyên liệu ở mức thấp, khủng hoảng đầu ra và giá thức ăn cao, việc tiếp cận vốn tuy có thuận lợi, lãi

<sup>6</sup> Một số tỉnh có diện tích cháy lớn: Lạng Sơn 66,9 ha; Yên Bái 64,3 ha; Bình Thuận 47,5 ha; Sơn La 44,2 ha

suất giảm nhưng không khuyến khích hộ đầu tư cho lĩnh vực này nên sản lượng nuôi cá tra liên tục giảm.

+ *Tôm*: thay đổi cơ cấu theo hướng giảm diện tích nuôi tôm sú, tăng diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng. Vì vậy trong những tháng đầu năm 2014, diện tích thả nuôi tôm thẻ tăng nhanh. Tuy nhiên việc nguồn giống, thức ăn, thuốc hóa chất chưa đảm bảo về chất lượng, đầu tư về thủy lợi và quản lý môi trường nước chưa theo kịp cũng dẫn đến nguy cơ dịch bệnh có thể phát sinh mạnh khi diện tích nuôi tăng lên.

Một số tỉnh đã bắt đầu thả giống, trong đó Kiên Giang đã thả nuôi được 47.495 ha; Sóc Trăng thả nuôi 4.494,6 ha với 1.657,1 triệu giống. Ước tổng diện tích tôm nước lợ cả nước đạt **180 nghìn ha** (tôm thẻ chân trắng khoảng 12 nghìn ha), sản lượng thu hoạch 11,5 nghìn tấn.

### 3.3. Dịch bệnh thủy sản

Trong tháng 3, *bệnh đốm trắng* xảy ra tại 6 tỉnh<sup>7</sup>, tổng diện tích bị bệnh là 790,78 ha; *bệnh hoại tử gan tụy cấp* xảy ra trên tôm sú và tôm thẻ tại 4 tỉnh<sup>8</sup> với diện tích là 142,71 ha. So sánh với cùng kỳ thì dịch bệnh trong tháng xảy ra với quy mô và diện tích thấp hơn.

Bệnh trên các loài thủy sản khác: hiện tượng tôm hùm bị sứa, đỏ thân và đen mang vẫn xuất hiện tại Khánh Hòa; cá tra chủ yếu mắc bệnh gan thận mũ và xuất huyết;

## 4. Sản xuất muối

Diện tích sản xuất muối cả nước ước đạt **14.508 ha**, trong đó: diện tích muối thủ công đạt 10.869 ha; diện tích muối công nghiệp đạt 3.639 ha. Sản lượng muối ước đạt khoảng **247.643 tấn**, bằng 97,7% so với cùng kỳ 2013 (muối sản xuất thủ công ước đạt 178.966 tấn, bằng 88,3% so với cùng kỳ 2013).

Lượng muối tồn trong diêm dân và một số doanh nghiệp sản xuất ước khoảng 108.328 tấn; trong đó: Miền Bắc tồn 7.300 tấn; Miền Trung tồn 33.164 tấn; Đồng bằng sông Cửu Long tồn 67.864 tấn.

## 5. Xuất, nhập khẩu

### 5.1. Xuất khẩu nông, lâm và thủy sản

Xuất khẩu nông sản tháng 1,2 gặp nhiều khó khăn, một số mặt hàng nông sản chính có sự sụt giảm cả về lượng và giá xuất khẩu nên 2 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2013. Tuy nhiên, sang tháng 3, tình hình xuất khẩu của mặt hàng cà phê, tiêu, điều được đã

<sup>7</sup> Bến Tre, Cà Mau, Phú Yên, Sóc Trăng, Tiền Giang và Tp Hồ Chí Minh

<sup>8</sup> Bến Tre, Cà Mau, Kiên Giang và Quảng Trị

được cải thiện hơn (lần lượt tăng về giá trị: 13,8%, 32,3% & 18,2%), kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 3 ước đạt 2,64 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu của ngành 3 tháng đầu năm lên 6,9 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2013.

Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 3,35 tỷ USD, giảm 1,8%; Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 1,61 tỷ USD, tăng 35%; các mặt hàng lâm sản và đồ gỗ ước đạt 1,47 tỷ USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm 2013 nên kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản 3 tháng đầu năm lên 6,9 tỷ USD, tăng 9,4% so với cùng kỳ năm 2013 (6,56 tỷ USD). Thặng dư thương mại đạt 1,8 tỷ USD, bằng 78,6% so với cùng kỳ năm 2013.

*Kết quả cụ thể một số mặt hàng chủ yếu như sau:*

**Gạo:** xuất khẩu tháng 3 ước đạt 524 nghìn tấn với giá trị 243 triệu USD đưa khối lượng xuất khẩu 3 tháng đầu năm ước đạt 1,31 triệu tấn, tương đương 616 triệu USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 10,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu bình quân tháng 2 đạt 486,5 USD/tấn, tăng 8%. Thị trường Philippin có sự đột biến tăng về khối lượng và giá trị (gấp 7 – 7,7 lần).

**Cà phê:** xuất khẩu trong tháng ước đạt 274 nghìn tấn với giá trị đạt 558 triệu USD. Tổng xuất khẩu 3 tháng đầu năm ước đạt 601 nghìn tấn và 1,17 tỷ USD, tăng 24,8% về khối lượng và tăng 13,8% về giá trị so cùng kỳ năm 2013. Giá xuất khẩu bình quân đạt 1.880 USD/tấn, giảm 10,2% so với năm 2013.

**Cao su:** Ước xuất khẩu tháng 3 đạt 37 nghìn tấn với giá trị 71 triệu USD, lũy kế 3 tháng đạt 144 nghìn tấn với giá trị đạt 292 triệu USD, giảm 23,1% về khối lượng và giảm 42% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013.

**Chè:** lượng XK tháng 3 ước đạt 8 nghìn tấn với giá trị đạt 11 triệu USD, đưa khối lượng XK 3 tháng đầu năm ước đạt 24 nghìn tấn với giá trị đạt 37 triệu USD, giảm 15,4% về khối lượng và giảm 13,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013.

**Hạt điều:** xuất khẩu tháng 3 ước đạt 18 nghìn tấn với giá trị 117 triệu USD, lũy kế 3 tháng đạt 50 nghìn tấn với 310 triệu USD, tăng 16% về khối lượng và tăng 18,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013.

**Tiêu:** xuất khẩu trong tháng đạt 25 nghìn tấn, với giá trị đạt 170 triệu USD, đưa khối lượng XK 3 tháng đầu năm lên 49 nghìn tấn với giá trị 332 triệu USD, tăng 29,4% về khối lượng và tăng 32,3% về giá trị.

**Sản và các sản phẩm từ sản:** lượng xuất khẩu trong tháng ước đạt 473 nghìn tấn, với giá trị đạt 140 triệu USD đưa tổng khối lượng xuất khẩu 3 tháng đầu năm đạt 1,18 triệu tấn với giá trị 361 triệu USD, giảm 15,5% về khối lượng và giảm 16,2% về giá trị so cùng kỳ năm 2013.



**Lâm sản và đồ gỗ:** Ước giá trị xuất khẩu tháng 3 đạt 490 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu 3 tháng đạt 1,4 tỷ USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2013.

**Thủy sản:** Giá trị xuất khẩu tháng 3 ước đạt 574 triệu USD, lũy kế 3 tháng đầu năm đạt 1,61 tỷ USD, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2013.

## **5.2. Nhập khẩu**

Giá trị nhập khẩu toàn ngành trong 3 tháng đầu năm 2014 ước đạt 5,1 tỷ USD, tăng 26,9% so với năm cùng kỳ năm 2013. Trong đó, nhập khẩu một số mặt hàng chính đạt khoảng 3,7 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

**Phân bón:** khối lượng nhập khẩu các loại trong tháng đạt 248 nghìn tấn với giá trị 86 triệu USD, đưa khối lượng NK 3 tháng đầu năm đạt 736 nghìn tấn, kim ngạch nhập khẩu đạt 240 triệu USD, giảm 5,5% về lượng và giảm 25,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013.

**Thuốc trừ sâu và nguyên liệu:** trong tháng giá trị NK đạt 67 triệu USD, đưa giá trị NK 3 tháng đầu năm đạt 192 triệu USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2013.

**Gỗ và sản phẩm gỗ:** Ước giá trị NK tháng 3 đạt 229 triệu USD, đưa giá trị NK 3 tháng đạt 504 triệu USD, tăng 60,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Lúa mì:** khối lượng NK trong tháng 3 đạt 110 nghìn tấn với giá trị 36 triệu USD, lũy kế 3 tháng đầu năm đạt 447 nghìn tấn, giá trị nhập khẩu đạt 143 triệu USD, tăng 47% về lượng và 25,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2013.

**Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** Giá trị nhập khẩu tháng 3 ước đạt 176 triệu USD, đưa giá trị NK 3 tháng đạt 615 triệu USD, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2013.

**Thủy sản:** Ước giá trị NK tháng 3 đạt 74 triệu USD, đưa kim ngạch nhập khẩu 3 tháng đầu năm đạt 247 triệu USD, tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2013.

## **6. Thực hiện vốn đầu tư XDCB**

### **6.1. Vốn ngân sách tập trung**

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 của Bộ thuộc nguồn ngân sách tập trung được giao trong năm là 4.460,18 tỷ đồng, bao gồm 2.760,18 tỷ đồng vốn trong nước và 1.700 tỷ đồng vốn nước ngoài.

Khối lượng thực hiện 3 tháng ước đạt **1.245 tỷ đồng**, đạt gần 28% kế hoạch TTCP giao và bằng 16% kế hoạch Bộ giao (bao gồm cả khối lượng thu hồi ứng trước). Trong đó: vốn ngoài nước đạt 652 tỷ đồng (bằng 38,4% kế

hoạch của Thủ tướng Chính phủ giao và bằng 13% kế hoạch Bộ giao); vốn trong nước đạt gần 593,5 tỷ đồng, bằng 21,5% kế hoạch.

- *Vốn thực hiện dự án* đạt 1.205,4 tỷ đồng bằng 30,7% kế hoạch năm, gồm:

+ Khối Thủy lợi: Ước đạt 775,8 tỷ đồng, bằng 32,7% kế hoạch;

+ Khối Nông nghiệp: Ước đạt 214 tỷ đồng, bằng 36,8% kế hoạch;

+ Khối Lâm nghiệp: Ước đạt 136,2 tỷ đồng, bằng 52% kế hoạch;

+ Khối Thủy sản: Ước đạt 42,5 tỷ đồng, bằng 16,6% kế hoạch;

+ Khối Giáo dục - Đào tạo: Ước đạt 22 tỷ đồng, bằng 10,8% KH;

+ Các ngành khác: Ước đạt 9,1 tỷ đồng, bằng 9,2% kế hoạch năm;

- *Vốn thực hiện các chương trình mục tiêu*: Ước đạt 36,9 tỷ đồng, 7,8% KH

- *Vốn chuẩn bị đầu tư*: Ước đạt 1,7 tỷ đồng, bằng gần 18,5% KH năm;

## **6.2. Vốn trái phiếu Chính phủ**

Kế hoạch vốn được giao là 6.600 tỷ đồng, 3 tháng thực hiện ước đạt 1.422 tỷ đồng, tương đương 21,6% so với KH.

## **7. Phát triển nông thôn và sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp**

Quý I, Bộ Nông nghiệp và PTNT tập trung chuẩn bị tổng kết thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TW và Hội nghị sơ kết toàn quốc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; dự thảo kết luận của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết 26; kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2013 tại 15 tỉnh.

Xây dựng Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; chuẩn bị tổ chức tập huấn cho các đơn vị, địa phương; Xây dựng kế hoạch hoạt động Chương trình đào tạo bồi dưỡng hợp tác xã, tổ hợp tác trong nông nghiệp năm 2014, hướng dẫn thực hiện Luật hợp tác xã, Trang trại, và nghiên cứu đề xuất các chính sách phát triển.

Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, dân cư trú trong khu rừng đặc dụng; kết quả thực hiện Chương trình bố trí dân cư giai đoạn 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020.

Về Dự án di dân, tái định cư Thủy điện Sơn La và Lai Châu: Lũy kế đến ngày 18/02/2014, Dự án di dân, tái định cư Thủy điện Sơn La đã giải ngân

18,508.90/19,118 tỷ đồng, đạt 96,8% kế hoạch giao; Dự án di dân, tái định cư Thủy điện Lai Châu đã giải ngân vốn bồi thường, hỗ trợ tái định cư là 452,40 tỷ đồng.

Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn tạm thời thực hiện Quyết định 2621/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 30a; xây dựng báo cáo tổng kết lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

Hoàn thành trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Dự thảo hướng dẫn các địa phương thực hiện Tiêu chí thu nhập năm 2013, 2014.

#### **\* Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp**

Triển khai kế hoạch sắp xếp đổi mới các doanh nghiệp khối viện, trường; tiếp tục chỉ đạo các Tổng công ty thuộc Bộ xử lý các tồn tại tài chính, đất đai để thực hiện CPH theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Báo cáo tình hình sắp xếp đổi mới và tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ giai đoạn 2011-2015; tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện tái cơ cấu Tập đoàn Cao su VN, các Tcty thuộc Bộ theo Đề án tái cơ cấu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Ban hành quyết định phê duyệt điều lệ và có ý kiến chỉnh sửa về phương án tái cơ cấu tài chính của các Tổng công ty thuộc Bộ

### **Phần thứ hai**

## **NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THÁNG 4**

### **1. Trồng trọt, BVTV**

\* **Miền Bắc:** tiếp tục chỉ đạo tiến độ gieo cấy lúa, chỉ đạo công tác chăm sóc, thu hoạch lúa vụ Đông Xuân và theo dõi sát tình hình thời tiết, sâu bệnh để chỉ đạo hiệu quả sản xuất lúa, cây rau màu vụ Đông Xuân 2013-2014.

\* **Miền Nam:** theo dõi tiến độ gieo cấy lúa Hè Thu; theo dõi diện tích đất lúa kém hiệu quả chuyển đổi sang cây trồng khác thuộc các tỉnh vùng ĐBSCL và Đông Nam Bộ

Hoàn thành rà soát Quy hoạch đất lúa và chỉ đạo chuyển đổi cây trồng trên đất lúa theo định hướng Tái cơ cấu ngành.

Tiếp tục hoàn thiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, Nghị định thay thế Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về

quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Đề án phát triển cà phê bền vững, Đề án phát triển điều; xây dựng Thông tư Quy định về công nhận cho áp dụng các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ khác trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, Thông tư hướng dẫn Nghị định số 202/NĐ-CP của chính phủ về quản lý phân bón

Chuẩn bị Hội nghị Sơ kết 5 năm phát triển cao su vùng Tây Bắc theo chỉ đạo của Thủ tướng CP

Tăng cường kiểm tra, theo dõi sát tình hình, chủ động dự báo, hướng dẫn phòng trừ kịp thời dịch hại cây trồng: bệnh đạo ôn, rầy nâu, rầy lưng trắng và sâu cuốn lá nhỏ trên lúa ĐX giữa - cuối vụ tại các tỉnh phía Bắc; Chỉ đạo thực hiện gieo sạ lúa Hè Thu tập trung đồng loạt né rầy; giám sát đồng ruộng và thực hiện tốt việc tập trung phòng trừ, ngăn chặn dịch rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá trên lúa đông xuân 2013 -2014; hè thu 2014 ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ;

Tiếp tục triển khai thực hiện việc giám sát tình hình dịch hại di cư trên lúa tại điểm hợp tác điều tra giám sát dịch hại di cư tại 03 tỉnh Nam Định, Nghệ An và Quảng Nam; hoàn thành dự thảo Đề án “Chính sách khuyến khích phát triển sản xuất rau an toàn”.

## **2. Chăn nuôi, thú y**

Kiểm tra, đôn đốc công tác phòng chống dịch cúm gia cầm tại tuyến cơ sở, tổ chức giám sát phát hiện kịp thời ổ dịch để xử lý triệt để (đặc biệt tại các địa bàn ổ dịch cũ, có nhiều thủy cầm, nơi có nguy cơ cao phát dịch,...); xây dựng kế hoạch tổ chức tiêm phòng đợt I/2014 vắc xin cúm cho đàn gia cầm tại các địa bàn có nguy cơ cao.

Tăng cường công tác giám sát dịch bệnh và xây dựng kế hoạch triển khai tái cơ cấu ngành chăn nuôi trong thời gian tới.

Tiếp tục chỉ đạo các địa phương, doanh nghiệp và các cơ sở giống có giải pháp tăng cường hoạt động sản xuất, cung ứng đủ nhu cầu giống cho sản xuất và kiểm soát giá giống vật nuôi, đảm bảo bình ổn và phục vụ tái đàn. Tiếp tục phối hợp thực hiện chương trình hỗ trợ con giống cho các tỉnh miền núi phía Bắc và các địa phương trên cả nước, giảm thiểu tình trạng nhập lậu con giống qua biên giới;

Tăng cường chỉ đạo giám sát tình hình, phòng chống dịch bệnh, công tác kiểm soát chất lượng vật tư chăn nuôi, đặc biệt là đối với thức ăn chăn nuôi.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai chương trình VietGAP trong chăn nuôi tại một số địa phương. Đồng thời chỉ đạo đôn đốc các địa phương đẩy mạnh công tác triển khai nhiệm vụ quy hoạch chăn nuôi.

Hoàn thiện và ban hành Quyết định phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành chăn nuôi”; Đề án “Tăng cường năng lực quản lý giống vật nuôi”; hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định về Chính sách đổi mới chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2014-2020;...

### **3. Lâm nghiệp**

Tiếp tục chỉ đạo công tác bảo vệ rừng và PCCCR trong mùa khô, đặc biệt đối với vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây bắc; Tiếp tục đôn đốc các địa phương triển khai kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2014, trong đó tập trung công tác trồng rừng của các tỉnh phía Bắc; kế hoạch trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang làm thủy điện.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai Đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp; Dự án tổng điều tra, kiểm kê rừng theo kế hoạch

Hoàn thành kế hoạch hành động để rà soát đánh giá thực trạng chế biến lâm sản gắn với giải quyết vấn đề về thị trường lâm sản, chế biến dăm gỗ, đảm bảo nâng cao giá trị lâm sản.

Phối hợp với Ủy ban kinh tế của Quốc hội tổ chức Hội thảo “Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng”.

### **4. Thủy sản**

Tổ chức xây dựng Quy hoạch nuôi tôm nước lợ vùng ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn 2030; rà soát Quy hoạch sản xuất và tiêu thụ cá tra vùng ĐBSCL đến năm 2020 làm căn cứ chỉ đạo và tổ chức sản xuất<sup>9</sup>; giám sát tình hình chuẩn bị điều kiện nuôi và thả giống tại địa phương; xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh cho năm 2014;

Tăng cường kiểm tra các yếu tố đầu vào, đặc biệt là chất lượng thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường và con giống; nghiên cứu giải pháp căn bản để xây dựng liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh cá tra đảm bảo lợi ích của các bên, tháo gỡ khó khăn về vốn vay nuôi cá tra, tôm; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, thâm canh.

Tích cực triển khai các công việc tháo gỡ khó khăn liên quan đến Luật Nông trại (Farm Bill) của Hoa Kỳ và đợt rà soát hành chính lần thứ 10 (POR 10) đối với mặt hàng cá tra xuất khẩu.

Tiếp tục theo dõi ảnh hưởng của giá xăng dầu; diễn biến thời tiết, tình hình sản xuất trên biển Đông để kịp thời chỉ đạo trong tình huống diễn biến phức tạp, rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động khai thác hải sản của ngư dân;

<sup>9</sup> Quy hoạch cá tra đang triển khai, Quy hoạch tôm nước lợ đã phê duyệt hồ sơ mời thầu.

khuyến khích, hướng dẫn ngư dân khai thác theo mô hình sản xuất tổ, đội để tiết kiệm chi phí di chuyển ngư trường, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản ở vùng biển xa; nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi một số nội dung trong chính sách để phù hợp với tình hình thực tế của ngành.

## **5. Chế biến, thương mại**

Phối hợp với Hiệp hội ngành hàng, các Tập đoàn, Tổng Công ty theo dõi sát tình hình sản xuất, tiêu thụ các mặt hàng nông lâm thủy sản chủ lực; nghiên cứu đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách mở rộng thị trường, tháo gỡ kịp thời khó khăn, bảo đảm tiêu thụ nông sản kịp thời, hiệu quả cho doanh nghiệp và người sản xuất;

Kiểm tra tình hình tạm trữ 01 triệu tấn quỹ gạo vụ Đông xuân ĐBSCL vụ 2013-2014; Báo cáo tình hình sản xuất, tiêu thụ, cân đối cung cầu các mặt hàng đường.

Tập trung hoàn thiện Đề án Nâng cao giá trị gia tăng hàng nông, lâm, thủy sản thông qua chế biến sâu và giảm tổn thất sau thu hoạch; Đề án cơ giới hóa nông nghiệp đến 2020, tầm nhìn 2030; Dự án quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; triển khai các nhiệm vụ đã phê duyệt trong Kế hoạch XTTM năm 2014;

Xây dựng Nghị định về sản xuất và kinh doanh Mía đường; Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Thương mại; Hoàn chỉnh Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 11/2011/QĐ-TTg ngày 18/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển ngành mây tre; Xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 60/2011/TT-BNNPTNT và 68/2011/TT-BNNPTNT hướng dẫn kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu...

## **6. Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm**

Chỉ đạo triển khai kế hoạch hoạt động quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm năm 2014; duy trì lấy mẫu giám sát trên diện rộng kết hợp với thông tin vi phạm ATTP từ các nguồn khác nhau làm cơ sở đánh giá nguy cơ, xác định sản phẩm, công đoạn, địa bàn có nguy cơ cao và tổ chức thanh tra, điều tra nguyên nhân, xử lý vi phạm (kể cả thu hồi sản phẩm không an toàn);

- Hoàn thiện Thông tư sửa đổi các biểu mẫu kiểm tra, đánh giá các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và sản phẩm nông lâm thủy sản còn bất cập theo Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT; sửa đổi Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT

ngày 16/3/2011 về việc hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu;

Phê duyệt và triển khai chương trình thí điểm việc công khai kết quả xếp loại A, B, C tại cơ sở sản xuất, kinh doanh và thí điểm cấp giấy chứng nhận sản phẩm được sản xuất, kinh doanh theo chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn

Chủ động nắm bắt và tiếp tục xử lý các vướng mắc trong xuất khẩu nông lâm thủy sản vào các thị trường: Liên Bang Nga (Liên minh hải quan), EU, Nhật, Mỹ.

Tổ chức, triển khai đánh giá chỉ định phòng thử nghiệm theo quy định Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013.

Tiếp tục thẩm tra hồ sơ đăng ký nhập khẩu hàng hóa có nguồn gốc động vật, thực vật của các nước nhập khẩu vào Việt Nam theo Thông tư 25, Thông tư 13. Giải quyết vướng mắc liên quan đến các quy định tại 2 Thông tư này;

## **7. Thủy lợi, đê điều, XDCB**

Tiếp tục đôn đốc địa phương thực hiện kiểm tra an toàn các công trình thủy lợi; xây dựng khung chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý an toàn hồ, đập; tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện 03 đợt xả nước từ các hồ thủy điện phục vụ gieo cấy lúa Xuân ở các tỉnh trung du đồng bằng Bắc Bộ.

Thực hiện các nội dung về an toàn hồ chứa: đôn đốc địa phương thực hiện chỉ thị số 21/CT-TTg; chỉ thị số 910/CT-BNN của Bộ về tăng cường công tác quản lý bảo đảm an toàn hồ chứa; xây dựng Tiêu chuẩn, Thông tư hướng dẫn các nội dung về quản lý an toàn đập.

Tiếp tục đôn đốc các Chủ đầu tư, ban quản lý dự án đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đảm bảo chất lượng và an toàn công trình; kiểm tra một số dự án đang thực hiện: các dự án TPCP, NSNN và đẩy nhanh tiến độ các dự án WB3, ADB5, WB5, RETA;

Tiếp tục hoàn thiện phê duyệt quy hoạch lưu vực sông Cà Lồ, Trà Khúc; quy hoạch vùng lòng hồ Dầu Tiếng và khu đầu mối phục vụ quản lý khai thác đa mục tiêu, quy hoạch thủy lợi vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ;

Hoàn thiện và ban hành Thông tư liên tịch Hướng dẫn triển khai Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; triển khai Đề án phát triển trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-TTg, ngày 15/9/2009.

Chỉ đạo các Sở, Ngành chức năng điều tra đánh giá hiệu quả hoạt động và quản lý vận hành của các công trình đã đầu tư, nhất là các công trình phân cấp cho huyện và xã đầu tư và quản lý khai thác.

Rà soát, kiện toàn lại bộ máy ban chỉ huy PCLB các Bộ, ngành và các địa phương; đôn đốc các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch tu bổ đê điều thường xuyên; kế hoạch duy tu bảo dưỡng đê điều đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ để đưa vào phòng chống lụt bão;

Tiếp tục xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng chống thiên tai; Nghị định quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai ;

### **8. Phát triển nông thôn và sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp**

Tiếp tục chuẩn bị tổng kết thực hiện Nghị quyết 26/NQ-TW và Hội nghị sơ kết toàn quốc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí thu nhập năm 2013 (thuộc Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM); tổ chức đoàn công tác, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình năm 2014 tại một số địa phương;

Tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nông nghiệp; tổng hợp ý kiến các Bộ ngành liên quan về dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Nghiên cứu, khảo sát tình hình, đề xuất chính sách đối với dân di cư tự do;

Tổ chức đoàn công tác liên Bộ đi kiểm tra, khảo sát cơ chế, chính sách tái định cư các Dự án thủy lợi, thủy điện tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên; chỉ đạo UBND các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án thành phần, hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, bù chênh giá trị sử dụng đất và hướng dân nhân dân sớm ổn định đời sống, tổ chức lại sản xuất; triển khai xây dựng Đề án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư Thủy điện Sơn La”.

#### **\* Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp:**

Tiếp tục chỉ đạo T Cty thuộc Bộ xử lý các tồn tại tài chính, đất đai để thực hiện CPH theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phê duyệt phương án CPH T Cty Xây dựng Nông nghiệp và PTNT; giá trị doanh nghiệp Tổng công ty Thủy sản Việt Nam, Công ty TNHH1TV Thủy sản Hạ Long.



Tiếp tục thực hiện những giải pháp nâng cao trách nhiệm chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch, triển khai kiểm tra giám sát đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp, các viên chức quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên và xếp loại doanh nghiệp.

## 9. Công tác kế hoạch, tài chính

Theo dõi và tổng hợp tình hình thực hiện Tái cơ cấu ngành, Chương trình hành động của Bộ triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán NSNN năm 2014.

Duyệt quyết toán 2013 các đơn vị trực thuộc Bộ; thông báo số dư chuyển 2014 và giao dự toán ngân sách năm 2014 đợt 2 sau khi có ý kiến hiệp y của Bộ Tài chính, chuẩn bị phân bổ kinh phí đợt 3; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu chính sách tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 – 2015 và xây dựng kế hoạch 5 năm 2016 – 2020.

## 10. Các công tác khác

Triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư, khoa học công nghệ, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoạt động cải cách hành chính, công tác tổ chức sắp xếp và đào tạo cán bộ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện nghiêm túc Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí./.

### **Nơi nhận:**

- VP Chính phủ (Vụ KTN, Vụ TH);
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Sở NN&PTNT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công đoàn ngành NN&PTNT;
- Đảng uỷ cơ quan Bộ;
- Công đoàn cơ quan Bộ;
- VP (TT, TH);
- Lưu: VT, TH.

Website:  
[www.omard.gov.vn](http://www.omard.gov.vn)

